

Số: 1146 /KH-UBND

Quảng Bình, ngày 13 tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH
Về việc triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp
giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến 2045
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung của “Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến 2045” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của Nhân dân trong việc thực hiện Kế hoạch để phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tỉnh phù hợp với thực tiễn địa phương, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

- Bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong các Kế hoạch, Chương trình, Đề án về phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đến các cấp, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các ngành liên quan, chính quyền các cấp chủ động xây dựng Kế hoạch phù hợp với tình hình đơn vị, địa phương để tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả mục tiêu của Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển địa phương trong từng giai đoạn.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó: Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%.

- Thu hút 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%; tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.

- Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề quốc gia; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nguồn nhân lực quốc gia; trong đó một số ngành, nghề tiếp cận trình độ các nước trong khu vực ASEAN; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% - 37%.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 50 - 55% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Phần đầu có 01 trường cao đẳng chất lượng cao.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 50%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 40%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

- Ít nhất 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

GDNN đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao; trở thành địa phương phát triển về GDNN, bắt kịp trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN, thế giới, có năng lực cạnh tranh ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả về giáo dục nghề nghiệp

- Thực hiện chính sách thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề tại nơi làm việc.

- Thực hiện chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.

- Thực hiện chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm yếu tố bình đẳng giới. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với nhà giáo thuộc vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nhà giáo giảng dạy cho người khuyết tật; nhà giáo giảng dạy lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù. Có chính sách khuyến khích và cơ chế mở, linh hoạt để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề.

- Triển khai thực hiện chính sách thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại; ngành, nghề trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe...; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động nữ, lao động di cư, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bộ đội xuất ngũ... chính sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề nghiệp.

- Thực hiện chính sách nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

- Triển khai thực hiện các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp tiếp cận chuẩn của các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới; chính sách khuyến khích đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận là trường chất lượng cao; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, đa dạng hoá về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, đủ năng lực đáp ứng nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp, nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên, người lao động tham gia học các trình độ giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở GDNN trên địa bàn; thu hút nhà giáo, đội ngũ kỹ sư, nông dân giỏi, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao tham gia giảng dạy trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

2. Thực hiện chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

a) Thực hiện chuyển đổi số

- Tạo sự chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và cơ sở GDNN;

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và các cơ sở GDNN. Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia;

- Xây dựng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong GDNN.

- Phát triển kho học liệu số ở các trình độ, ngành nghề đào tạo, trong đó ưu tiên trình độ cao đẳng, trung cấp. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp.

b) Hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị

Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở GDNN, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

c) Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

- Xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế. Đổi mới quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới, ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ trung cấp, cao đẳng; xây dựng một số chương trình chất lượng cao phục vụ đào tạo các ngành, nghề trọng điểm mà tình có nhu cầu về nhân lực.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Phát triển mạnh học nghề tại nơi làm việc; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động. Đẩy mạnh triển khai liên kết nhà trường và doanh nghiệp;

- Thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số và phát triển bền vững. Nghiên cứu áp dụng một số chương trình nước ngoài đã được chuyển giao thành công hoặc một số chương trình đào tạo có chất lượng để áp dụng đào tạo trên địa bàn.

- Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động. Triển khai công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động đã tích lũy từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế ở trong và ngoài nước;

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong GDNN

a) Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề

- Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại, tích hợp các kỹ năng cốt lõi cùng kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp;

- Xây dựng và triển khai cơ chế định kỳ thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo;

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo.

- Thực hiện công nhận kỹ năng, trình độ đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở ngành, nghề khác chuyển sang làm giáo viên, giảng viên GDNN;

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của GDNN;

- Triển khai hiệu quả các cộng đồng, mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong GDNN.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý GDNN

- Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở GDNN theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ. Phát triển nhanh và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, bảo đảm chất lượng;

- Định kỳ, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở GDNN, cán bộ quản lý nhà nước về GDNN các cấp, đặc biệt ở cấp địa phương. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

4. Gắn kết chặt chẽ GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Xây dựng và thực thi cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động GDNN trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội;

- Xây dựng các mô hình gắn kết GDNN với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng vùng, địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp;

- Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp;

- Đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp đặc biệt các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, ưu tiên cho công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai. Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo;

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở GDNN và các trung tâm dịch vụ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp;

- Tăng cường nghiên cứu khoa học GDNN theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp GDNN.

6. Tăng cường và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho GDNN

- Tăng ngân sách nhà nước cho GDNN hàng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho GDNN trong các chương trình, dự án của tỉnh;

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho GDNN, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia GDNN.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở GDNN công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật;

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ cho cơ sở GDNN các ngành, nghề phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm của tỉnh, các ngành, nghề trọng điểm, kỹ thuật cao; ngành, nghề đào tạo mới, kỹ năng tương lai; ngành, nghề đào tạo đặc thù;

- Tăng ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDNN để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ GDNN; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước

vu

đầu đầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng và số lượng đầu ra.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh và giá trị xã hội của GDNN

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông GDNN với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của GDNN, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp;

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về GDNN, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và tại các cơ sở GDNN;

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, kênh riêng về GDNN, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp về GDNN, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về GDNN;

- Tổ chức các chương trình, sự kiện, cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động GDNN và phát triển kỹ năng nghề;

- Xây dựng chương trình truyền thông địa phương chia sẻ thành công của những người tốt nghiệp các trình độ GDNN, các mô hình đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp thành công trong GDNN;

- Chủ động tham gia, định hướng các mạng xã hội về GDNN bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở GDNN, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học.

8. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về GDNN

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức các hoạt động ký kết thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác quốc tế, doanh nghiệp FDI trong việc hỗ trợ cơ sở GDNN, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp;

- Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn về GDNN;

- Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở GDNN của tỉnh với một số cơ sở GDNN nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyên gia chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác;

3. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

4. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch này; tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp phù hợp tình hình thực tế của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nội dung nâng cao chất lượng hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chiến lược. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Chiến lược, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị liên quan và các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác tư vấn hướng nghiệp tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu đề xuất phân bổ kinh phí các dự án đầu tư công trung hạn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là các trường cao đẳng thuộc tỉnh để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống giáo dục nghề nghiệp khi cân đối được nguồn vốn.

5. Sở Tài chính

- Tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương để thực hiện Chiến lược theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu cơ chế tự chủ, cơ chế đặt hàng đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu phân bổ kịp thời nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất các chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đối với giáo dục nghề nghiệp.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, đảm bảo yêu cầu, mục tiêu Kế hoạch đề ra.

- Hỗ trợ các địa phương thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao để thúc đẩy, lồng ghép có hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

9. Đề nghị Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Cổng thông tin điện tử tỉnh

Thực hiện tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

10. Đề nghị Hội nông dân, Hội LHPNVN tỉnh, Tỉnh đoàn

Thực hiện tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện của địa phương. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, tập trung nguồn lực đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch được giao;

- Tăng cường công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, tiểu dự án trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Quan tâm chỉ đạo công tác phân luồng học sinh trên địa bàn theo mục tiêu, kế hoạch của tỉnh;

- Hàng năm cân đối, bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp huyện để đảm bảo thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động của địa phương; đảm bảo các điều kiện về ngân sách, biên chế cán bộ quản lý, nhà giáo, cơ sở vật chất cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để thực hiện tốt công tác giáo dục nghề nghiệp tại Kế hoạch này.

12. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng Kế hoạch và ban hành Chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này tại đơn vị.

- Tích cực, chủ động trong công tác tuyển sinh, đào tạo và thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch được giao; nâng cao chất lượng GDNN, tích cực, nghiêm túc tham gia các hoạt động giáo dục nghề nghiệp được triển khai trên địa bàn tỉnh. Tăng cường chủ động liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc tuyển sinh, đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo.

de

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan có thẩm quyền về công tác giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo đối với các cơ quan chức năng theo quy định.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Định kỳ 6 tháng (trước 10/6) và một năm (trước 10/12) báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo chung.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vấn đề vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để có chỉ đạo, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH (để b/c);
- Tổng cục GDNN (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở GDNN trên địa bàn;
- Lưu VT, NCVX.

